

Bản án số: 851/2024/DS-ST
Ngày 30-9-2024
V/v: Tranh chấp hợp
đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Chon
- Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 315/2024/TLST-DSST ngày 24 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 531/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 634/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ trụ sở: Số 266-268, N, phường V, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc;
Người đại diện theo uỷ quyền: Công ty TNHH MTV Q; Người đại diện theo pháp luật Công ty: Ông Lê Ngọc T – Tổng giám đốc;

Ông T uỷ quyền lại cho ông Trần Đức T1 – Nhân viên Công ty TNHH MTV Q; Địa chỉ liên lạc: Số 278, N, phường V, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Bị đơn: Ông Phan Minh Đ, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số Y, đường số Z, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 25/3/2024 và các lời khai của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Vào ngày 15/11/2018, ông Phan Minh Đ có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng T) Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông Đ, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 32.000.000 đồng, với mục đích là tiêu

dùng cá nhân, lãi suất hợp đồng là 2,6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 237.506.663 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Đ phải chịu các khoản phí theo Điều 24 Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; chi tiết lãi, phí theo tóm tắt sao kê.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 233.082.850 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch mua hàng hoá của kỳ trước, các khoản phí và/lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hoá trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Đ vẫn không có thiện chí trả nợ. Ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo nên ngày 23/6/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Đ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 38.928.855 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 30/9/2024, ông Đ còn nợ số tiền tổng cộng là 81.096.273 đồng, bao gồm các khoản sau: Nợ gốc là 38.982.855 đồng, lãi quá hạn là 42.113.418 đồng (Chi tiết lãi, phí đã được thể hiện trong bản sao kê tóm tắt). Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc là 38.982.855 đồng, với lãi suất quá hạn là 3,9%/tháng (2,6% x 150%) từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ sang dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Tại phiên tòa, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 81.096.273 đồng. Bao gồm: Nợ gốc là 38.982.855 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 30/9/2024 là 42.113.418 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Đ có trách nhiệm trả lãi phát sinh theo thoả thuận của hợp đồng cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Hồ sơ pháp lý của Ngân hàng: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Điều lệ Ngân hàng, Quyết định tái bổ nhiệm số 1431 ngày 05/4/2021, Quyết định tái bổ nhiệm số 3528 ngày 29/8/2023, Giấy ủy quyền số 775 ngày 13/9/2023, Giấy ủy quyền số 2535A ngày 12/10/2022, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Thông báo khởi kiện, Sổ hộ khẩu + Chứng minh nhân dân photo của bị đơn, Giấy ủy quyền số 4945 ngày 24/12/2023, Tóm tắt sao kê; Căn cước công dân của ông T, ông C, ông T1; Bảng kê lãi chi tiết.

Bị đơn ông Phan Minh Đ đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xét thấy bị đơn có nơi cư trú xã T, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là ông Phan Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Phan Minh Đ phải trả số tiền tổng cộng 81.096.273 đồng, gồm: Nợ gốc là 38.982.855 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 30/9/2024 là 42.113.418 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Đ có trách nhiệm trả lãi phát sinh cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Vào ngày 15/11/2018, ông Phan Minh Đ có ký với Ngân hàng T Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) theo các nội dung thỏa thuận như phía nguyên đơn trình bày là đúng. Sau khi được cấp thẻ, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 237.506.663 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 233.082.850 đồng; cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch mua hàng hoá của kỳ trước, các khoản phí và/lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hoá trong kỳ. Ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo nên ngày 23/6/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Đ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 30/9/2024, ông Đ còn nợ số tiền tổng cộng là 81.096.273 đồng, bao gồm các khoản sau: Nợ gốc là 38.982.855 đồng, lãi quá hạn là 42.113.418 đồng như phía nguyên đơn yêu cầu là đúng. Như vậy, phía bị đơn ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Bị đơn là ông Đ đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ kiện nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 7, 8, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc ông Đ trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng

là 81.096.273 đồng, bao gồm các khoản sau: Nợ gốc là 38.982.855 đồng, lãi quá hạn là 42.113.418 đồng.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng có hiệu lực ngày 01/01/2011;

- Căn cứ vào các Điều 7, 8, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào các Điều 6, 7a, 7b, 26, 30, 31 và 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc yêu cầu ông Phan Minh Đ thanh toán số nợ tổng cộng là 81.096.273 đồng (tám mươi một triệu không trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng).

Buộc ông Phan Minh Đ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tổng cộng là 81.096.273 đồng (tám mươi một triệu không trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó gồm: Nợ gốc là 38.982.855 đồng (ba mươi tám triệu chín trăm tám mươi hai nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng) và lãi quá hạn tính đến ngày 30/9/2024 là 42.113.418 đồng (bốn mươi hai triệu một trăm mười ba nghìn bốn trăm mười tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm là 4.054.813 đồng (bốn triệu không trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm mười ba đồng) buộc ông Phan Minh Đ phải nộp.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 1.667.593 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi ba đồng) theo biên lai thu tiền số 0015097 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- CCTHADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Xuân Lan